

Bản án số: **22/2020/DS-ST.**

Ngày: 22/12/2020.

*“V/v: **Kiến tranh**
chấp hợp đồng vay tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Nhi.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân (TAND)
huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên
tòa:* Ông Nông Trường Sinh- Kiểm sát viên.

Ngày 22/12/2020, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2020/TLST-DS ngày 05/10/2020 về việc:
“*Kiến tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
28/2020/QĐST-DS ngày 17/11/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn C, sinh năm 1965;
Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn K, huyện K, tỉnh G.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1980;
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Dương Thị L, sinh năm 1985;
Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện K, tỉnh G.

*Ông C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông D và bà L lần thứ
hai vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Phan Văn C thì gia đình ông và gia đình ông
Nguyễn Văn D và bà Dương Thị L là chỗ quen biết, thân thiết vì vợ ông cùng quê
Thái Bình với ông D.

Vào ngày 13/8/2016, vợ chồng ông D ký Hợp đồng tín dụng số: 3829/HĐTD
vay vốn tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia
Lai (Ngân hàng) với số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); hạn
mức tín dụng là 36 tháng kể từ ngày 13/8/2016; thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ phụ
thuộc vào giấy nhận nợ, mỗi lần nhận tiền vay là hai bên lập giấy nhận nợ; mục

đích sử dụng tiền vay: Sản xuất nông nghiệp; lãi suất cho vay trong hạn là 0,8166%/tháng (9,80%/năm), lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận; khoản vay này là khoản vay tín chấp, không có bảo đảm bằng tài sản nhưng do ông D, bà L tự nguyện giao nên Ngân hàng có giữ của ông bà 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BE 808545 và BM 600985. Ngày 15/8/2016, ông D và bà L nhận nợ Ngân hàng 100.000.000 đồng và đến ngày 07/8/2017 thì ông bà đã tắt toán số tiền này cả gốc và lãi.

Đến ngày 08/8/2017, ông D và bà L nhận nợ tiếp Ngân hàng 100.000.000 đồng (nợ lần 2) và cũng trong ngày này, ông bà đã trả trước số tiền lãi là 5.036.111 đồng. Đến ngày 12/12/2017, ông bà được Ngân hàng trả lại hai GCNQSDĐ số BE 808545 và BM 600985. Từ sau khi nhận nợ lần hai thì ông bà không trả được nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo cam kết nên Ngân hàng đã thông báo cho ông bà về khoản nợ đến hạn và quá hạn.

Vì vậy, vào các ngày 31/10/2019 và ngày 30/11/2019, ông D và bà L có ra nhà ông trình bày hoàn cảnh khó khăn nói ông giúp đỡ cho ông bà vay tiền để trả nợ gốc cho Ngân hàng, qua đó để Ngân hàng khoan nợ nhằm không phát sinh lãi quá hạn nữa, chứ lãi quá hạn cao quá ông bà không trả nổi, ông bà hứa sẽ bán đất để trả nợ cho ông. Do là chỗ quen biết thân tình nên ông đã đồng ý cho ông bà vay hai lần tiền, cụ thể: Vào ngày 31/10/2019, ông cho vay 50.000.000 đồng và ngày 30/11/2019, ông cho vay tiếp 49.500.000 đồng. Do sợ đưa tiền mặt cho ông D, bà L thì ông bà tiêu mất, không trả được nợ cho Ngân hàng nên hai khoản vay này ông đã trực tiếp đứng ra trả nợ cho Ngân hàng thay cho ông bà, ông là người trực tiếp ký tên tại vị trí khách hàng vay trong chứng từ giao dịch trả tiền Ngân hàng thay cho ông bà (hai chứng từ nộp tiền này nay được ông nộp cho Tòa án làm chứng cứ). Vì suy nghĩ có hai chứng từ này làm cơ sở pháp lý rồi nên ông không yêu cầu ông D và bà L phải viết giấy nhận nợ cho ông.

Tuy nhiên, sau khi được ông trả nợ thay cho đến nay thì ông D và bà L không bán đất để trả nợ cho ông theo cam kết mà lại bỏ đi khỏi địa phương. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu ông D và bà L phải trả ngay cho ông tổng số tiền nợ gốc của hai lần vay là 99.500.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L: Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã triệu tập ông bà đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo thụ lý vụ án, làm Bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải do Tòa án tổ chức. Nhưng do ông bà thường xuyên vắng mặt tại địa chỉ cư trú là thôn 2, xã ĐăkSmar, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; ông bà lại không thông báo địa chỉ mới của mình cho ông C và chính quyền địa phương biết nên Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Do vụ án không tiến hành công khai chứng cứ và hoà giải được vì ông D và bà L vắng mặt nên Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 01/12/2020 và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Tòa án đã tổng đạt (niêm yết) Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng ông bà luôn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan theo như quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm:

- 01 Sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Phan Văn C (bản photo);
- 01 Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Dương Thị L (bản photo);
- 02 Giấy CMND mang tên Dương Thị L và Nguyễn Văn D (đều là bản photo);
- 01 Giấy CMND mang tên Phan Văn C (bản photo);
- 01 Danh mục hồ sơ vay vốn (bản sao);
- 01 Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn số: 01/GĐN/HMTD (bản sao);
- 01 Hợp đồng tín dụng số: 3829/HĐTD (bản sao);
- 02 Lịch sử giao dịch tiền vay (bản sao);
- 02 Chứng từ giao dịch ngày 15/8/2016 (đều là bản sao);
- 01 Chứng từ giao dịch ngày 01/3/2017 (bản sao);
- 01 Chứng từ giao dịch ngày 07/8/2017 (bản sao);
- 01 Chứng từ giao dịch ngày 12/12/2017 (bản sao);
- 02 Chứng từ giao dịch ngày 08/8/2017 (đều là bản sao);
- 01 Chứng từ giao dịch ngày 31/10/2019 (bản sao);
- 01 Chứng từ giao dịch ngày 30/11/2019 (bản sao);
- 01 Giấy báo nợ đến hạn ngày 01/8/2019 (bản sao);
- 01 Thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 09/8/2018 (bản sao);
- 01 Phiếu xuất kho ngày 12/12/2017 (bản sao);
- 01 Bảng kê tính lãi tên khách hàng Nguyễn Văn D (bản sao);

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1980 và bà Dương Thị L, sinh năm 1985; có cùng địa chỉ tại: Thôn 2, xã ĐăkSmar, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; điều này được thể hiện qua chứng cứ do ông C giao nộp là Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Dương Thị L (bản photo) và Giấy CMND mang tên Dương Thị L và Nguyễn Văn D (đều là bản photo).

Ông Phan Văn C, sinh năm 1965, có địa chỉ tại: Tổ dân phố 7, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; điều này được thể hiện qua chứng cứ do ông C giao nộp là Sổ hộ khẩu đứng tên Phan Văn C (bản photo) và Giấy CMND mang tên Phan Văn C (bản photo).

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS năm 2015. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS năm 2015.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ các Điều 26, 35, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 180, 227, 228, 238 và 266 của BLTTDS năm 2015; Áp dụng các Điều 280, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn C, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L phải trả cho ông C tổng số tiền nợ là 99.500.000 đồng.

Buộc ông D và bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định, ông C được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp.

Ông C phải chịu toàn bộ chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.050.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Nguyên đơn ông Phan Văn C có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L phải trả cho ông số tiền nợ của hai lần vay tổng cộng là 99.500.000 đồng. Ông C là chủ thể có quyền lợi bị xâm phạm nên được quyền khởi kiện, điều kiện khởi kiện của nguyên đơn được đảm bảo nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai theo như quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn C, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là chứng từ giao dịch ngày 31/10/2019 có nội dung tên khách hàng trả nợ gốc thông thường 50.000.000 đồng là Nguyễn Văn D; CMND số: 230832733, ngày cấp 10/01/2007, nơi cấp: Công an tỉnh Gia Lai nhưng ở phần dưới của chứng từ này ở phần chữ ký của khách hàng trả tiền lại là ông C ký và ghi rõ họ tên Phan Văn C; tương tự như vậy là chứng từ giao dịch ngày 30/11/2019 với số tiền trả nợ là 49.500.000 đồng. Xét chứng cứ là hai chứng từ giao dịch nêu trên cùng một số chứng cứ khác do ông C giao nộp là các bản sao có xác nhận của Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai nên có giá trị pháp lý cao. Qua đó, có thể xác định rằng ông D và bà L có vay của Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam số tiền nợ gốc là 99.500.000 đồng nhưng sau đó ông bà không trả được nợ cho Ngân hàng; do là chỗ quen biết nên ông C đã cho ông bà mượn tiền bằng hình thức ông C đứng ra trả nợ thay cho ông bà số tiền nợ trên cho Ngân hàng. Sau khi được ông C trả nợ thay thì ông D và bà L đã bỏ đi khỏi địa phương, không trả nợ cho ông C nên ông C khởi kiện đòi nợ ông bà số tiền 99.500.000 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, ông D và bà L thường xuyên không có mặt tại địa chỉ cư trú và không thông báo địa chỉ mới cho ông C biết là vi phạm nghĩa vụ của bên vay nợ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông bà luôn vắng mặt khi Tòa án triệu tập làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tặc bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, điều này đã thể hiện rõ việc ông bà có vay nợ của ông C nên ông bà phải có nghĩa vụ trả nợ.

Từ những phân tích như trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ và đúng pháp luật nên được HĐXX chấp nhận toàn bộ, buộc ông D và bà L phải trả cho ông C số tiền nợ gốc của hai lần vay là 99.500.000 đồng.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của ông C được chấp nhận toàn bộ nên ông không phải chịu án phí DSST, hoàn trả cho ông số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông D và bà Liêu phải chịu án phí DSST theo quy định là 4.975.000 đồng.

[4]. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông C phải chịu toàn bộ chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.050.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp là 3.050.000 đồng nên ông đã nộp đủ khoản chi phí này.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 180, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn C, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L phải trả cho ông C số tiền nợ gốc của hai lần vay là 99.500.000 đồng (*chín mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi ông D và bà L thi hành xong khoản tiền nợ nói trên thì hàng tháng ông D và bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí DSST: Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Dương Thị L phải chịu án phí DSST là 4.975.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Phan Văn C số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 2.487.500 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003518 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ông C phải chịu toàn bộ chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.050.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp là 3.050.000 đồng nên ông C đã nộp đủ khoản chi phí này.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm ./.

Nơi nhận:

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- THADS huyện Kbang;
- Các đương sự.
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nguyên